

Số: 75/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị M, sinh năm 1992; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Làm nương; CCCD số: 002192005065, cấp ngày 03/10/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C;

- Bị đơn: Anh Hạ Mí S, sinh năm 1993; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Làm nương; CCCD số: 002093008704, cấp ngày: 02/5/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C;

Cùng địa chỉ: Thôn NB (nay là thôn N), xã D, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sùng Thị M và anh Hạ Mí S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị M và anh Hạ Mí S nhất trí thuận tình ly hôn, (theo giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Nay là xã D, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Sùng Thị M và anh Hạ Mí S thỏa thuận anh Hạ Mí S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là cháu Hạ Thị Í, sinh ngày 05/6/2013, cháu Hạ Thị V, sinh ngày 14/3/2021 và cháu Hạ Thị S1, sinh ngày 20/02/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần cho cả 03 cháu với mức 20.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01/8/2026 anh Hạ Mí S là người đại diện nhận. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Sùng Thị M và anh Hạ Mí S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị M và anh Hạ Mí S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Du Già, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Củng Trăn Lương